TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **29/6/2018**.
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Khuôn** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà ***Nguyễn Hoàng Phương*** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà ***Đinh Thu Thủy***-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Tổ dân phố Đông Đ, thị trấn Cổ L, huyện Trực N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh **Đào Trần H1**, sinh năm 1986.

Đăng ký hộ khẩu: Số 52 Đào X, xã Nghĩa D, huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên.

Cư trú: Số nhà 14 ĐL, phường Tân B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị H và anh H1 có mặt tại phiên tòa ;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Đào Trần H1 tự do tìm hiểu nhau một thời gian ngắn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa D, huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 19/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H1 không chịu làm ăn, hàng ngày ham chơi điện tử, trong khi chị có thai nhưng ngày đêm phải đi tìm chồng, cuộc sống hàng ngày lập đi lập lại diễn ra như vậy. Đến khi chị chuẩn bị sinh con, anh H1 cũng không chịu đi làm kiếm tiền nuôi sống gia

đình, vẫn chứng nào tật ấy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kể từ khi chị có thai đến khi sinh con và tự phải nuôi một mình, anh H1 không có trách nhiệm hay tình cảm gì giành cho mẹ con chị. Từ đó, dẫn đến việc vợ chồng không có tiếng nói chung, không nói chuyện với nhau, không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống tinh thần và không khí trong gia đình nặng nề, gây áp lực cho nhau mỗi khi nhìn thấy nhau. Ngoài ra anh H1 có lối sống đua đòi, ăn chơi, đi đến đâu cũng có bồ bịch, hành động và việc làm của anh H1 hai bên họ hàng anh em, bạn bè đều biết, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh không từ bỏ được thói hư tật xấu. Do vậy, chị phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Đông Đ, thị trấn Cổ L, huyện Trực N, tỉnh Nam Định ở, vợ chồng sống ly thân, không liên lạc và quan tâm gì với nhau. Đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H1, mặc dù con chị còn rất nhỏ (hơn 6 tháng tuổi) nhưng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Theo nội dung bản tự khai của bị đơn là anh Đào Trần H1 trình bày: Anh và chị Đỗ Thị Thu H được tự do tìm hiểu nhau một thời gian ngắn khoảng 02 tháng, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa D, huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 19/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có ý nghĩa. Đến nay, anh nhận thấy giữa anh và chị H không còn tình cảm vợ chồng, chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh H1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Minh P, sinh ngày 27/11/2017. Chị H có nguyện vọng và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng chẵn*). Anh H1 xác định do con anh còn nhỏ nên chị H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh hoàn toàn đồng ý.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị H và anh H1 đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ cho các đương sự là nguyên bị đơn yêu cầu tham gia tố tụng tại Trụ sở Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn là anh H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có lý do nên Tòa án

không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải mâu thuẫn của chị với anh H1 và cho rằng việc anh H1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án là gây khó khăn cho chị vì biết chị ở xa phải đi lại nhiều tuyến xe, chị đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên toà chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1; tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng chẵn)*. Anh H1 có mặt tại phiên tòa và cho rằng muốn đoàn tụ vợ chồng với chị H vì con còn nhỏ, anh cần có thêm thời gian để vợ chồng suy nghĩ. Nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý; anh đồng ý mức tiền cấp dưỡng nuôi con như chị H yêu cầu. Ngoài ra anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các qui định của pháp luật; Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51, 56 , 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *1. Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Đào Trần H1; *2. Về con chung*: Giao con là Đào Minh P, sinh ngày 27/11/2017 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn); kể từ tháng 7/2018 đến khi con tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không phải giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H và anh H1 phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án anh H1 có mặt tại Trụ sở Tòa án viết bản tự khai thể hiện quan điểm của mình. Tòa án tống đạt trực tiếp cho các đương sự thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh H1 lại không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng; Tòa án đã thông báo về việc thu thập

tài liệu chứng cứ gửi cho anh H1 để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự cho anh H1 yêu cầu có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là anh H1 thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa chị H và anh H1 đều có mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

- *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Đào Trần H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa D, huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 19/3/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đều xác định là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không chia sẻ, thông cảm với nhau trong mọi lĩnh vực, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, tiền của ai thì người đó tiêu, không liên quan gì đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Đông Đ, thị trấn Cổ L, huyện Trực N, tỉnh Nam Định ở, anh H1 sinh sống tại thành phố H. Chị H và anh H1 đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Tại phiên tòa anh H1 xác định, mặc dù vợ chồng không còn tình cảm, tại bản tự khai anh đã đưa ra quan điểm đồng ý ly hôn với chị H nhưng nay anh lại không đồng ý. Xét việc tại phiên tòa anh H1 không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Bởi trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, anh không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để cải thiện tình cảm vợ chồng với chị H. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh H1 xác định có 01 con chung là Đào Minh P, sinh ngày 27/11/2017. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, hiện con còn nhỏ (7 tháng 2 ngày tuổi) cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi, ấp ủ của người mẹ. Đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng nên xét việc giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị H yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). HĐXX thấy rằng pháp luật qui định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên việc chị H yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là phù hợp qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị H và anh H1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Đào Trần H1.

2. Về con chung: Xử giao con là Đào Minh P, sinh ngày 27/11/2017 cho chị Đỗ Thị Thu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đào Trần H1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng chẵn)*, kể từ tháng 7/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi chị Đỗ Thị Thu H có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Đào Trần H1 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Anh Đào Trần H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0003383 ngày 13 tháng 4 năm 2018 do chị H nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

- Anh Đào Trần H1 phải chịu số tiền 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (chị Đỗ Thị Thu H) và bị đơn (anh Đào Trần H1) đều có mặt tại phiên tòa; có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/6/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Nghĩa D,
huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên